

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/DS-PT

Ngày: 12 - 4 - 2022

V/v Chia thừa kế và chia tài sản
chung của hộ gia đình; hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 486/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Chia thừa kế và chia tài sản chung của hộ gia đình; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 358/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2001. (có mặt)

2/. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2020. (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: đường L, tổ 10, khu phố 8, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Huy

Tr. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1/. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/. Bà Ngô Kim Th1, sinh năm 1929. (đã chết)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Kim Th1:

2.1/. Ông Nguyễn Văn M (cha bà Th1, đã chết)

2.2/. Bà Trần Thị Th (mẹ bà Th1, đã chết)

2.3/. Ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà Th1, đã chết)

2.4/. Ông Nguyễn Thanh Ngh (con bà Th1, đã chết)

Ông Ngh có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1953), ông Nguyễn Duy T (sinh năm 1980), bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1984), bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 (sinh năm 1990). (ông Nguyễn Duy T có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.5/. Ông Nguyễn Công Ngh1, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.6/. Ông Nguyễn Văn Đ (con bà Th1, chết năm 2017)

Ông Đ có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Huỳnh Thị U (Sinh năm 1955), ông Nguyễn Thanh H (sinh năm 1980), ông Nguyễn Thanh Đ1 (sinh năm 1984), bà Nguyễn Thị Ngọc M (sinh năm 1987). (ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc M có mặt tại phiên tòa)

2.7/. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955.

2.8/. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1957.

2.9/. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961.

2.10/. Bà Nguyễn Thị U1, sinh năm 1964.

2.11/. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1966. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th3: Bà Trương Thị Thanh T. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thủy: Bà Dương Thị Kim L - Văn phòng Luật sư K - Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2.12/. Ông Nguyễn Văn L (Chết không có vợ con)

2.13/. Ông Nguyễn Văn T (Chết năm 2008)

Ông T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm 2001), bà Lê Thị Th (sinh năm 1976). (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q1, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1942. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q1, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/. Ông Nguyễn Huỳnh Đ2, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4/. Ông Nguyễn Thanh Ngh, sinh năm 1952 (mất ngày 19/5/2019).

Những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh:

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1953. (vắng mặt)

+ Nguyễn Duy T, sinh năm 1980. (có mặt)

+ Nguyễn Thị X, sinh năm 1984. (vắng mặt)

+ Nguyễn Thị Huỳnh M1, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5/. Ông Nguyễn Công Ngh1, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

6/. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang,

7/. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang,

8/. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Thành, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

9/. Bà Nguyễn Thị U1, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: st sw M city, IA (Bang IOWA)

10/. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

11/. Huỳnh Thị U, sinh năm 1955. (vắng mặt)

12/. Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1984. (vắng mặt)

13/. Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1987. (vắng mặt)

14/. Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang,

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị Th, bà Nguyễn Thị Thanh T, có ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hai cụ Nguyễn Văn M1 và Ngô Kim Th1 có 2 quyền sử dụng đất: Phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 813432, sổ vào sổ H02581, thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.479,5m², do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1 ngày 20/7/2007; Phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 813438, sổ vào sổ H02580, thửa đất số 276, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.223m², do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1, ngày 20/7/2007. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M1 đại diện hộ gia đình đứng tên, thì trong hộ có 05 thành viên gồm: Nguyễn Văn M1 (sinh năm 1922 - mất năm 2009), Ngô Kim Th1, Nguyễn Văn T (sinh năm 1970 - mất năm 2008), Lê Thị Th, Nguyễn Thị Thanh T.

Đối với phần đất thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.223m², cụ M1 và cụ Th1 có di chúc diện tích 389,34m² (dài 43,26m x 9,0m) cho chị Nguyễn Thị U1. Diện tích đất còn lại 833,66m² của thửa đất số 276 và toàn bộ thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.479,5m² và tài sản trong nhà thì cho cháu nội là Nguyễn Thị Thanh T, đến khi Tú tròn 18 tuổi mới được đứng tên.

Đến năm 2009, cụ M1 mất, cụ Th1 tự ý sang tên toàn bộ thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.479,5m². Cụ Th1 được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có chữ ký của những người trong hộ. Sau đó, cụ Th1 cắt chia cho Nguyễn Thanh H diện tích 1.404m² (ông H được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 795, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.404m² vào ngày 10/8/2018).

Tài sản trên đất thửa 276 và thửa 553 là của vợ chồng bà Th. Căn nhà trên thửa 276 do chồng bà Th bỏ tiền ra, khi cất nhà thiếu tiền thì ông T có vay Ngân hàng để xây dựng nhà, và sau khi bà Th về có phụ ông T trả tiền Ngân hàng.

Bà T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 24/8/2008 của cụ M1: bà T xin hưởng 01 phần của cụ M1 để lại trong khối tài sản của cụ M1 trong hộ, do cụ Th1 còn sống.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ngô Kim Th1 và ông Nguyễn Thanh H.

- Chia tài sản chung của hộ gia đình và chia tài sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông T.

Cụ thể, bà Th và bà T yêu cầu nhận toàn bộ thửa đất 276 và toàn bộ tài sản trên đất, một phần đất vườn tại thửa 794 và 795 với tổng diện tích 2.225,0m², theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (có mộ ông T). Bà yêu cầu ông H dỡ ngôi nhà thô sơ do ông H cất trên thửa đất 795. Nếu giao đất cho bị đơn có tài sản trên đất của vợ chồng bà thì yêu cầu hoàn trả giá trị các tài sản trên đất. Nếu bà và bà T nhận phần tài sản vượt quá kỹ phần được chia thì bà và bà T sẽ hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn cụ Ngô Kim Th1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Cụ Th1 và cụ M1 kết hôn, chung sống cùng cha mẹ cụ M1 trong căn nhà thờ và canh tác hai phần đất hiện đang tranh chấp. Đến khoảng năm 1957, khi cha chồng chết thì mẹ chồng cụ Th1 đồng ý làm thủ tục sang tên hai phần đất trên cho chồng cụ Th1 là cụ Nguyễn Văn M1 đứng tên. Quá trình quản lý đất đai, qua nhiều lần làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai phần đất có biến động như sau:

- Phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 813432, số vào sổ H02581, thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.479,5m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1 ngày 20/7/2007, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 813438, số vào sổ H02580, thửa đất số 276, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.223m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1, ngày 20/7/2007, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Cả hai phần đất này có nguồn gốc từ ông bà, cha mẹ cụ M1 để lại cho vợ chồng cụ, không phải của hộ gia đình đóng góp công sức tạo lập nên. Hơn nữa, tại thời điểm cụ M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vào khoảng năm 1957) thì bà Th và bà T chưa là thành viên của hộ gia đình. Do đó, không có căn cứ hủy 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy định của pháp luật thì cụ Th1 được quyền sử dụng hợp pháp là 1/2 (tức 2.351m²) và được hưởng một kỹ phần thừa kế do chồng cụ Th1 là cụ M1 chết để lại là 1/13 (2.351m²/13 = 180 m²), tổng cộng là 2.531m².

Trên phần đất thửa 276, vợ chồng cụ M1 và cụ Th1 có cất một căn nhà cấp 3 (trong đó, nhà chính, nhà phụ, hàng rào phía trước và hàng rào bên hông là

của vợ chồng cụ; còn các tài sản còn lại là của vợ chồng bà Th, cất vào năm 1998). Nhà cất trước khi ông Nguyễn Văn T cưới bà Lê Thị Th. Ông T và bà Th về làm riêng, đi nuôi ong, không phụ giúp gì cho gia đình, sau này có phụ làm nhà dưới và hàng rào.

Ngày 24/8/2008, vợ chồng cụ M1, cụ Th1 có lập Tờ di chúc phân chia tài sản chung của vợ chồng cho con gái và cháu nội. Tuy nhiên khi chồng cụ chết (năm 2009) thì con dâu có những hành động, cử chỉ, thái độ, cư xử không đúng mực với cụ. Nay cụ Th1 đã sửa di chúc liên quan đến phần tài sản của mình. Cụ thể, cụ Th1 đồng ý cho cháu Nguyễn Thị Thanh T phần diện tích 2.072,1m², thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm và phần diện tích 632,3m² (có căn nhà dưới, không gồm tường chung) thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Theo phiếu xác nhận đo đạc ngày 15/5/2020). Với điều kiện các nguyên đơn đồng ý thỏa thuận, cụ sẽ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, nếu không đồng ý thì cụ yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 16/8/2018, ông nhận chuyển nhượng phần đất thuộc quyền sử dụng đất của cụ Ngô Kim Th1, diện tích 1.404,0m², thuộc thửa số 795 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Quá trình sử dụng, ông có cất nhà thô sơ trên đất. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông, không đồng ý với yêu cầu của bà Th nhận phần đất có mộ vì ông vẫn đảm bảo việc thăm nom chăm sóc mộ hằng năm của bà Th và đó là mộ của ông nội và chú ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Y có đơn xin vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 20/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Huỳnh Đ2, ông Nguyễn Công Nghi1, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Th2, bà Nguyễn Thị Th3 thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của mẹ ông bà là cụ Ngô Kim Th1. Nguồn gốc 2 thửa đất tranh chấp là do ông bà để lại chứ không phải đất cấp cho hộ cụ M1. Cây trồng trên đất là của cụ Th1. Căn nhà trên thửa 276 cất trước khi bà Th về, sau khi bà Th về sống có sửa chữa lại một phần nhà sau và nhà bếp, đây là tài sản của cha mẹ. Nhà phụ phía sau, nhà bếp, nhà kho, hàng rào phía sau là của vợ chồng bà Th xây dựng. Các ông bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu chia thừa kế theo pháp luật thì các ông bà xin nhận kỷ phần bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt nhưng tại phiên hòa giải ngày 28/05/2020, bà trình bày:

Bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Nếu chia theo pháp luật thì bà không nhận kỷ phần của

bà mà để lại chia cho những người trong hàng thừa kế theo pháp luật còn lại.

Bà Nguyễn Thị N, Huỳnh Thị U, các ông bà Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Huỳnh M1, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thanh Đ1 có đơn xin vắng mặt nhưng trong các văn bản ngày 28/7/2020, 14/8/2020, các đương sự không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 106, Điều 108, khoản 2 Điều 664, Điều 667, Điều 668 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 649 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 166, 179, 188 Luật đất đai.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 24/8/2008 của bà Nguyễn Thị Thanh T.

2/. Đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Ngô Kim Th1 của bà Lê Thị Th và bà Nguyễn Thị Thanh T.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th, bà Nguyễn Thị Thanh T về các yêu cầu sau:

Yêu cầu chia tài sản chung của hộ đối với phần đất thửa 276, diện tích 1.223m², tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 553, diện tích 3.479,5m², tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Nguyễn Văn T trong hai thửa đất 553, diện tích 1.223m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thửa 276, diện tích 3.479,5m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 20, cùng tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05089 ngày 10/8/2018 cấp cho ông Nguyễn Thanh H đối với thửa 795, diện tích 1404,0m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 07/9/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục nên đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại; trường hợp không hủy án thì đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Kim Th1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu: Chia thừa kế tài sản theo di chúc ngày 24/8/2008 của cụ Nguyễn Văn M1 và Ngô Kim Th1; chia tài sản chung của hộ đối với phần đất thửa 276, diện tích 1.223m² và thửa đất số 553, diện tích 3.479,5m², tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; chia thừa kế di sản ông Nguyễn Văn T để lại trong khối tài sản chung của hộ gia đình; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Ngô Kim Th1; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nguyễn Thanh H đối với thửa 795, diện tích 1404,0m², tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình xét xử sơ thẩm, bà T và bà Th rút lại yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc ngày 24/8/2008 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Th1. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên

là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình; chia thừa kế di sản ông Nguyễn Văn T trong khối tài sản chung của hộ gia đình:

Cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Ngô Kim Th1 chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987; là quan hệ hôn nhân thực tế. Các bên đương sự đều thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân, cụ M1 và cụ Th1 có tạo lập nhiều tài sản, trong đó có thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.479,5m² và thửa đất số 276, tờ bản đồ số 20, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.223m². Quá trình quản lý, sử dụng, cụ M1 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ M1 vào ngày 30/8/1993. Ngày 18/6/2002, cụ M1 đăng ký kê khai lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2004 ghi cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1. Sau đó, vợ chồng cụ M1 chuyển nhượng 01 phần diện tích đất cho các con nên ngày 20/7/2007, được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581, tiếp tục ghi tên cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1.

Xét thấy, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn M1 nhưng thực tế diện tích đất trên đã được cấp cho cá nhân cụ M1 từ năm 1993; không có nguồn gốc do tất cả các thành viên trong hộ gia đình cụ M1 cùng tạo lập; không có thỏa thuận về việc xác định các thửa đất trên là tài sản chung của hộ gia đình. Các bản kê khai quyền sử dụng đất cụ M1 đều kê khai “*Chủ cũ: Nguyễn Văn M1*”. Thời điểm được Nhà nước công quyền sử dụng đất lần đầu thì bà Lê Thị Th chưa sinh sống tại đây; bà Nguyễn Thị Thanh T chưa ra đời. Vì vậy, việc bà Th, bà T yêu cầu chia tài sản chung của mình trong hộ gia đình là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia di sản ông Nguyễn Văn T để lại trong khối tài sản chung: Như đã phân tích ở trên, thửa đất số 553 và 276 nằm trong tổng diện tích đất do cụ M1, cụ Th1 tạo lập; là tài sản chung của hai cụ trong thời kỳ hôn nhân; không phải tài sản chung của hộ gia đình (bao gồm con, cháu). Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia di sản ông Nguyễn Văn T để lại từ tài sản chung của hộ gia đình.

[2.3] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Thanh H:

Diện tích đất tranh chấp trong vụ án đã được cụ M1 và cụ Th1 di chúc để lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T; tuy nhiên, nay cụ Th1 xác định cụ đã sửa đổi lại phần di chúc liên quan đến tài sản của mình; không đồng ý để lại phần của mình cho bà T nữa. Việc thay đổi nội dung di chúc của cụ Th1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 664, Điều 667 Bộ luật Dân sự 2005.

Ngày 23/7/2018, cụ Th1 ký hợp đồng chuyển nhượng 1.404,0m² đất, thửa 795 (tách ra từ thửa 553) cho ông Nguyễn Thanh H. Phần diện tích cụ Th1 chuyển nhượng cho ông H không vượt quá giá trị phần tài sản của cụ Th1 trong khối tài sản chung nên có cơ sở để công nhận. Trên cơ sở hợp đồng chuyển

nhượng với cụ Th1, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà T, bà Th yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H đối với diện tích 1.404,0m² là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 24/8/2008 của bà Nguyễn Thị Thanh T.

2/. Đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Ngô Kim Th1 của bà Lê Thị Th và bà Nguyễn Thị Thanh T.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th, bà Nguyễn Thị Thanh T về việc:

Yêu cầu chia tài sản chung của hộ đối với phần đất thửa 276, diện tích 1.223m², tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 553, diện tích 3.479,5m², tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Nguyễn Văn T trong hai thửa đất 553, diện tích 1.223m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thửa 276, diện tích 3.479,5m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 20, cùng tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05089 ngày 10/8/2018 cấp cho ông Nguyễn Thanh H đối với thửa 795, diện tích 1404,0m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001422, 0001423 cùng ngày 11/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang; đương sự đã thực hiện xong.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- ĐS (16);
- Lưu VP(3), HS(2).26b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng